

Tác động của việc nhân dân tệ được đưa vào rổ tiền tệ của Quỹ Tiền tệ quốc tế

TÔ ÁNH DƯƠNG*

Ngày 30/11/2015, Ban Giám đốc của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã hoàn thành việc đánh giá thường kỳ (5 năm/lần) về các đồng tiền sẽ đưa vào rổ Quyền Rút vốn đặc biệt (SDR) của IMF. Nội dung chủ yếu của đợt đánh giá lần này của Ban Giám đốc IMF là liệu đồng nhân dân tệ của Trung Quốc (RMB) có đáp ứng đủ các tiêu chí hiện hành để được đưa vào rổ SDR hay không. Sau khi đánh giá, Ban Giám đốc IMF quyết định là đồng RMB đã đáp ứng tất cả các tiêu chí hiện hành và sẽ được đưa vào rổ SDR từ ngày 1/10/2016. Nhân dân tệ trở thành đồng tiền thứ 5 trong rổ SDR của IMF không những khẳng định tầm quan trọng của Trung Quốc trong hệ thống tài chính toàn cầu, mà còn có những tác động sâu rộng tới kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam.

Từ khóa: Nhân dân tệ, Quỹ Tiền tệ quốc tế, rổ tiền tệ, quyền rút vốn đặc biệt.

1. Tiêu chí để đồng nhân dân tệ được đưa vào rổ tiền tệ SDR của IMF

1.1. Quyền Rút vốn đặc biệt (Special Drawing Rights - SDR)

SDR là tài sản dự trữ quốc tế được tạo ra bởi Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) năm 1969 trong hệ thống tỷ giá cố định Bretton Woods¹, nhằm bổ

sung cho dự trữ ngoại hối nhà nước của các quốc gia thành viên, đồng thời, SDR còn đóng vai trò là đơn vị hạch toán của IMF và một số tổ chức tài chính quốc tế khác. SDR không phải là đồng tiền và cũng không phải là khoản cho vay của IMF, SDR là khoản vay tiềm năng đối với các đồng tiền "sử dụng tự do" (USD, euro, yên Nhật, bảng Anh) của các nước thành viên IMF, những nước nắm giữ SDR có thể nhận được USD, euro, yên Nhật, bảng Anh (và RMB từ 1/10/2016) bằng hai cách: 1) Thông qua thỏa thuận trao đổi tự nguyện, hoặc IMF chỉ định các thành viên có vị thế đối ngoại vững chắc để mua SDR từ các thành viên có vị thế đối ngoại yếu kém. SDR được phân bổ dựa trên hạn mức (quota) của các nước thành viên.

Giá trị của đồng SDR dựa trên giá trị bình quân của rổ tiền tệ hiện tại bao gồm USD, euro, yên Nhật và bảng Anh. Và sẽ mở rộng thêm đối

TS. Viện Kinh tế Việt Nam

¹ Các nước tham gia hệ thống này cần dự trữ chính thức (vàng, ngoại tệ mạnh, trong đó cơ bản là USD) để mua đồng nội tệ trên các thị trường ngoại hối nhằm duy trì tỷ giá của mình, tuy nhiên, vàng, USD không đủ để mở rộng thương mại quốc tế và các dòng vốn tài chính. Bởi vậy, cộng đồng quốc tế quyết định tạo ra SDR - tài sản dự trữ quốc tế mới dưới sự bảo trợ của IMF. Năm 1971, hệ thống Bretton Woods sụp đổ và các đồng tiền mạnh chuyển sang hệ thống tỷ giá thả nổi. Sự phát triển của các thị trường vốn quốc tế đã thúc đẩy hoạt động vay/cho vay của các chính phủ và nhiều nước đã tăng đáng kể dự trữ quốc tế. Sự phát triển này đã làm giảm sự phụ thuộc vào SDR như là tài sản dự trữ toàn cầu.

với nhân dân tệ (RMB). Rổ SDR mới này sẽ có hiệu lực từ ngày 1/10/2016. Tính đến 30/11/2015, có 204,1 tỷ SDR (tương đương 285 tỷ USD) được tạo ra và phân bổ cho các nước thành viên IMF² nhằm cung cấp thanh khoản cho hệ thống tài chính toàn cầu và bổ sung dự trữ chính thức nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu.

1.2. Các tiêu chí để được đưa vào rổ SDR của IMF

Đồng RMB được đưa vào rổ SDR của IMF do đáp ứng được cả hai tiêu chí sau:

i) RMB tiếp tục đáp ứng tiêu chí về xuất khẩu, theo đó trong giai đoạn 2010 - 2015, Trung Quốc là nhà xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn thứ ba thế giới, chỉ sau khu vực Euro và Mỹ (xem Bảng 1). Tiêu chí về xuất khẩu được coi là “cổng vào” rổ SDR của IMF.

ii) Cùng với USD, EUR, yên Nhật, bảng Anh, nhân dân tệ (RMB) được coi là đồng tiền “sử dụng tự do”³ (freely usable), có nghĩa là đồng tiền trên thực tế được sử dụng phổ biến trong thanh toán giao dịch quốc tế (vãng lai và vốn) và được giao dịch rộng rãi trên các thị trường ngoại hối chủ yếu. Có một số chỉ số quan trọng phản ánh mức độ sử dụng phổ biến và giao dịch rộng rãi của các đồng tiền trong rổ SDR, bao gồm: Tỷ trọng đồng tiền trong dự trữ ngoại hối; dự nợ chứng khoán quốc tế; nợ ngân hàng quốc tế; Khối lượng/doanh thu các giao dịch trên các thị trường ngoại hối chủ yếu; nắm giữ dự trữ ngoại hối tại các ngân hàng trung

ương (NHTW); phát hành nợ quốc tế; thanh toán qua biên giới qua SWIFT; và Tài trợ thương mại qua SWIFT.

Đồng nhân dân tệ sẽ được đưa vào rổ SDR như là đồng tiền thứ 5, cùng với đôla Mỹ (USD), đồng EUR, yên (Nhật) và bảng (Anh). Việc đưa rổ SDR mới vào ngày 1/10/2016 nhằm đảm bảo có đủ thời gian để IMF và các nước thành viên (hiện tại có 188 nước, trong đó có Việt Nam) và những nước khác sử dụng SDR kịp điều chỉnh với những thay đổi này.

Tỷ trọng đồng RMB trong rổ SDR của IMF

Trong đợt đánh giá phương pháp định giá các đồng tiền để đưa vào rổ SDR lần này, IMF áp dụng công thức mới trong việc tính tỷ trọng từng đồng tiền trong rổ SDR. Theo đó, tỷ trọng của 5 đồng tiền trong rổ SDR mới có hiệu lực từ ngày 1/10/2016 sẽ là:

USD: 41,73% (so với 41,9% vào đợt đánh giá năm 2010);

EURO: 30,93% (so với 37,4% vào đợt đánh giá năm 2010);

RMB: 10,92%;

Yên Nhật: 8,33% (so với 9,4% vào đợt đánh giá năm 2010);

Bảng Anh: 8,09% (so với 11,3% vào đợt đánh giá năm 2010).

Như vậy, đồng nhân dân tệ (RMB) của Trung Quốc sẽ có tỷ trọng lớn thứ 3 trong rổ SDR mới, chỉ sau có USD và EUR. Trong khi đó, 4 đồng tiền “cũ” (USD, EUR, yên Nhật, bảng Anh) trong rổ SDR mới đều có tỷ trọng giảm xuống so với đợt đánh giá trước đây vào năm 2010. Cơ cấu tỷ trọng đồng tiền sử dụng và giao dịch phổ biến (USD, EUR, RMB, yên Nhật, Bảng Anh) phụ thuộc vào tỷ trọng tương ứng của mỗi đồng tiền trong dự trữ ngoại hối nhà nước tại NHTW các nước và giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của quốc gia có đồng tiền đó. Bởi vậy, tỷ trọng đồng tiền trong rổ SDR phản ánh tầm quan trọng tương đối của mỗi đồng tiền trong thương mại toàn cầu và tài chính quốc tế.

²Từ khi ra đời (1969) đến nay (12/2015), có 3 đợt phân bổ SDR cho các nước thành viên, cụ thể, đợt 1 (1970 - 72): 9,3 tỷ SDR; đợt 2 (1979 - 81): 12,1 tỷ SDR; đợt 3 (ngày 10/8/2009, và ngày 28/8/2009): 182,6 tỷ USD; nhằm cung cấp thanh khoản cho hệ thống tài chính toàn cầu và bổ sung dự trữ chính thức nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu.

³Có sự khác biệt giữa đồng tiền “sử dụng tự do” và đồng tiền thả nổi tự do hoặc đồng tiền chuyển đổi hoàn toàn. Một đồng tiền có thể được sử dụng và giao dịch phổ biến ngay cả khi đồng tiền này là đối tượng của những hạn chế về cán cân vốn. Mặt khác, một đồng tiền chuyển đổi hoàn toàn không nhất thiết sẽ được sử dụng phổ biến và được giao dịch phổ biến (do quy mô và tầm quan trọng của nền kinh tế trong các giao dịch quốc tế).

Bảng 1:

Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ
(Bình quân giai đoạn 5 năm/tổng thương mại toàn cầu, %)

2005 – 2009			2010 - 2014		
Khu vực Euro	SDR bn	%	Khu vực Euro	SDR bn	%
Khu vực euro	2.138	19,8	Khu vực euro	2.648	18,2
Mỹ	1.539	14,2	Mỹ	1.978	13,6
Trung Quốc	872	8,1	Trung Quốc	1.613	11,0
Anh	780	7,2	Nhật Bản	728	5,0
Nhật Bản	616	5,7	Vương quốc Anh	708	4,9
Canada	341	3,1	Hàn Quốc	465	3,2
Hàn Quốc	296	2,7	Singapore	401	2,8
Singapore	269	2,5	Canada	394	2,7
Thụy Sĩ	269	2,5	Thụy Sĩ	388	2,7
Nga	268	2,5	Nga	387	2,7
<i>Mục ghi nhớ:</i>					
Trung Quốc Đại lục	831	7,7	Trung Quốc Đại lục	1.536	10,6

Nguồn: IMF, Triển vọng Kinh tế Thế giới; IMF, Hướng dẫn thống kê thương mại.

Ghi chú: 1. bao gồm thu nhập từ tín dụng; không bao gồm xuất khẩu nội khối khu vực Euro.

2. Trung Quốc bao gồm Trung Quốc Đại lục, Hồng Kông và Macao

2. Tác động của việc RMB trở thành đồng tiền dự trữ quốc tế

2.1. Tác động tới thế giới, khu vực

Theo bà Christine Lagard - Tổng Giám đốc IMF, quyết định đưa RMB vào rổ SDR của IMF là một dấu ấn quan trọng về hội nhập của nền kinh tế Trung Quốc vào nền tài chính toàn cầu. IMF cũng công nhận những tiến bộ về cải cách hệ thống tài chính- tiền tệ mà Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện trong những năm qua, điều này cũng sẽ hỗ trợ tăng trưởng và sự ổn định của Trung Quốc và nền kinh tế thế giới.

Tác động tới cách tính giá trị, lãi suất, tỷ giá của SDR; đa dạng hóa rổ SDR

Việc đưa RMB vào rổ SDR sẽ làm thay đổi cách tính giá trị, lãi suất và tỷ giá của SDR, qua đó cũng sẽ tác động đến cơ cấu, lãi suất và tỷ giá của các đồng tiền khác trong rổ SDR (USD, EUR, yên Nhật, bảng Anh), và do vậy cũng tác động tới lãi suất các công cụ tài chính (chẳng

hạn trái phiếu), tỷ giá của các đồng tiền trên các thị trường tài chính toàn cầu.

Cụ thể, giá trị của SDR⁴ sẽ dựa trên giá trị bình quân của rổ tiền tệ bao gồm USD, EUR, RMB, yên Nhật và bảng Anh. Việc đưa RMB vào rổ SDR sẽ làm tăng tính hấp dẫn của đồng SDR thông qua đa dạng hóa rổ tiền tệ và làm cho rổ này có thêm đại diện của các đồng tiền chủ yếu trên thế giới. Lãi suất của SDR sẽ tiếp tục được quyết định bởi tỷ trọng bình quân lãi suất đối với các công cụ tài chính ngắn hạn trên thị trường của các đồng tiền trong rổ SDR. Cùng với việc đưa RMB vào SDR từ 1/10/2016, lãi suất tham chiếu 3 tháng của trái phiếu kho bạc Trung Quốc sẽ là công cụ được định giá bằng RMB trong rổ lãi suất của SDR.

⁴ Khởi đầu giá trị SDR được xác định tương đương 0,888671 grams vàng nguyên chất - vào thời điểm đó cũng tương đương 1 USD. Sau khi hệ thống Bretton Woods sụp đổ (1973), SDR được định nghĩa lại như một rổ tiền tệ.

Tỷ giá để định giá SDR gồm 2 tỷ giá quan trọng: i) Giá trị SDR được tính bằng USD được tính toán hàng ngày trên cơ sở tỷ giá thị trường của các đồng tiền trong rổ SDR lấy từ cùng một nguồn, và cùng một thời điểm; ii) Giá trị SDR tính bằng đồng tiền của tất cả các thành viên khác được tính trên cơ sở tỷ giá đại diện của những đồng tiền này so với USD. Đối với RMB, tỷ giá tham chiếu của RMB/USD được tính toán hàng ngày bởi Hệ thống giao dịch ngoại hối Trung Quốc (CFET) sẽ được sử dụng làm tỷ giá đại diện cho RMB.

Các cơ quan chính phủ của các đồng tiền đại diện trong rổ SDR, hiện đã bao gồm cả Trung Quốc, dự kiến sẽ duy trì một khuôn khổ chính sách thúc đẩy các hoạt động của IMF, các nước thành viên và những nước khác sử dụng đồng SDR.

Tác động tới toàn bộ hệ thống tiền tệ quốc tế

Thật khó để đánh giá chính xác tầm quan trọng của việc Nhân dân tệ được đưa vào rổ SDR đối với toàn bộ hệ thống tiền tệ quốc tế. Tuy nhiên, theo ước tính của Ngân hàng Standard Chartered, việc đưa RMB vào rổ SDR có thể kích thích việc mua ròng trái phiếu trong nước của Trung Quốc lên tới 6,2 nghìn tỷ RMB đến cuối năm 2020. Còn công ty quản lý đầu tư AXA cho rằng, khoảng 10% trong tổng số 11,6 nghìn tỷ USD dự trữ toàn cầu sẽ chảy vào các tài sản bằng đồng RMB.

Tác động tới cơ cấu dự trữ ngoại hối của các nước

Cùng với việc đồng RMB được đưa vào rổ SDR, RMB sẽ trực tiếp hay gián tiếp trở thành đồng tiền dự trữ quốc tế của các nước thành viên IMF (188 nước), tuy nhiên với tỷ trọng khác nhau (tùy thuộc vào tỷ trọng của SDR trong cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước của mỗi quốc gia). Hơn nữa, sẽ có nhiều hơn các nước không phải là thành viên của IMF cũng có thể lựa chọn RMB trong cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước của mình, một khi RMB đã là đồng tiền được sử dụng phổ biến trong thanh toán giao dịch quốc tế và được giao dịch rộng rãi trên các thị trường ngoại hối chủ yếu.

Thách thức: Ngược lại với khả năng giảm bớt rủi ro từ đa dạng hóa đồng tiền quốc tế, nền kinh tế thế giới và khu vực có thể phải chịu tác động và có nhiều biến động hơn do những cú sốc từ nền kinh tế Trung Quốc. Trong khi có khá nhiều những rủi ro có thể xảy ra đối với Trung Quốc trong trung hạn (rủi ro lạm phát, bong bóng tài sản...) thì việc mở rộng nắm giữ RMB ở nước ngoài có thể truyền dẫn ảnh hưởng từ những rủi ro này ra bên ngoài thế giới. Bên cạnh đó, sẽ làm gia tăng tình trạng “nhân dân tệ” hóa, đặc biệt là ở những nước có biên giới giáp với Trung Quốc.

2.2. Tác động tới Trung Quốc

Việc đồng RMB sẽ được đưa vào rổ SDR của IMF từ 1/10/2016 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế Trung Quốc – nền kinh tế lớn thứ hai thế giới nói chung, hệ thống tài chính của nước này nói riêng. Trung Quốc đã đạt được mục tiêu⁵ của mình trên con đường đưa RMB trở thành đồng tiền dự trữ quốc tế, từ đó củng cố vị thế của nước này trong hệ thống tài chính toàn cầu. Có thể nói, RMB đã trở thành đồng tiền mạnh, có vị trí thứ 3 trong rổ SDR (chỉ sau USD và EUR), điều này phản ánh tầm quan trọng của RMB trong thương mại toàn cầu (điều này đã được khẳng định khi Trung Quốc là nhà xuất khẩu lớn thứ ba thế giới trong vòng 10 năm liền, từ 2005 - 2014) và tài chính quốc tế (trong các giao dịch tài chính cũng như trên các thị trường ngoại hối chủ yếu).

Tác động tới tỷ giá, thương mại, đầu tư, dịch vụ tài chính, nợ nước ngoài của Trung Quốc: Đồng RMB trở thành đồng tiền mạnh sẽ góp phần giảm rủi ro tỷ giá, giảm chi phí giao dịch thương mại, đầu tư, dịch vụ tài chính, nợ nước ngoài... của Trung Quốc do giảm sự phụ thuộc vào USD và các đồng tiền mạnh khác (EUR, yên Nhật, bảng Anh).

Tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư: Việc RMB trở thành đồng tiền dự trữ quốc tế thứ 5 trong rổ SDR sẽ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, qua đó làm giảm bớt

⁵ Năm 2010, Trung Quốc đề xuất đưa RMB vào SDR, và đề ra mục tiêu hiện thực hóa mục tiêu tham vọng này vào năm 2016.

luồng vốn nước ngoài (FDI, FII) tháo chạy khỏi Trung Quốc trước những biến động về tỷ giá, thị trường chứng khoán trong thời gian qua, đặc biệt là trong Quý III/2015.

Thúc đẩy mục tiêu điều chỉnh giảm dự trữ ngoại hối và đa dạng hóa dự trữ ngoại hối của Trung Quốc:

Trung Quốc là quốc gia có dự trữ ngoại hối lớn nhất thế giới với 3.899,3 tỷ USD (tính đến tháng 12/2014), tăng gần 10 lần so với con số 403,2 tỷ USD năm 2003 và gấp 3 lần nước đứng thứ 2 là Nhật Bản. Dự trữ ngoại hối của Trung Quốc chiếm 1/3 tổng số dự trữ ngoại hối của thế giới. Năm 2015, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc giảm mạnh do cuộc khủng hoảng thị trường chứng khoán của Trung Quốc, từ cuối năm 2014 đến tháng 7/2015 dự trữ ngoại hối giảm 300 tỷ USD, còn 3.650 tỷ USD. Trong tháng 8/2015 và tháng 9/2015, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) sử dụng 137 tỷ USD trong dự trữ ngoại hối để can thiệp vào thị trường ngoại hối nhằm giữ giá đồng RMB trong bối cảnh các dòng vốn tháo chạy. Tính đến tháng 10/2015, Trung Quốc nắm giữ mức dự trữ ngoại hối khoảng 3,5 nghìn tỷ USD.

Đối với hoạt động của NHTW, dự trữ ngoại hối quá lớn sẽ phát sinh nhiều chi phí và gây nhiều khó khăn trong việc điều hành chính sách tiền tệ. RMB được đưa vào rổ SDR, trở thành đồng tiền dự trữ quốc tế sẽ giúp cho Trung Quốc thuận lợi trong việc thực hiện mục tiêu điều chỉnh giảm dự trữ ngoại hối và đa dạng hóa dự trữ ngoại hối của mình. Chính phủ Trung Quốc đang tích cực tìm hướng mới sử dụng nguồn dự trữ ngoại hối này như giúp đỡ các doanh nghiệp trong nước mở rộng nghiệp vụ tại nước ngoài hoặc triển khai các thương vụ sáp nhập và chuyển giao (M&A) chứ không chỉ đơn thuần chỉ đi mua trái phiếu chính phủ Mỹ như trước kia. NHTW Trung Quốc cũng tạm dừng việc can dự quá sâu vào thị trường ngoại hối cũng như giảm can thiệp vào dòng vốn chảy ra nước ngoài trong thời gian gần đây. Thêm vào đó, tình trạng sản xuất dư thừa của Trung Quốc ngày một nghiêm trọng cũng thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước hướng ra bên ngoài.

Thách thức đối với chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và vấn đề kiểm soát luồng vốn vào/ra của Trung Quốc: Chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá của Trung Quốc sẽ phức tạp hơn trong bối cảnh các giao dịch vốn được tự do hóa hơn, đồng thời cũng sẽ giảm sự độc lập của NHTW trong điều hành các chính sách này. Cùng với sự gia tăng về thương mại, đầu tư, tài chính, cán cân vốn sẽ nới lỏng hơn và tiến tới tự do hóa hoàn toàn thì Trung Quốc sẽ có nhiều thách thức hơn trong việc kiểm soát các luồng vốn vào/ra khỏi nền kinh tế, cũng như đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô.

2.3. Tác động tới Việt Nam

Việt Nam là thành viên của IMF⁶, hiện tại vốn cổ phần của Việt Nam tại IMF đã tăng từ 0,4607 tỷ SDR (tính tới 31/5/2014) lên 1,1531 tỷ SDR (tăng thêm 692,4 triệu SDR năm 2015)⁷, tỷ lệ cổ phần của Việt Nam cũng được tăng từ 0,193% lên 0,242%. Điều này phản ánh thành tựu kinh tế và vị thế tiếng nói ngày càng tăng của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế. Cùng với việc RMB được đưa vào SDR, theo IMF⁸, các quốc gia thành viên của IMF (bao gồm cả Việt Nam), các cơ quan chính phủ của các nước thành viên, và những nước/tổ chức nắm giữ SDR khác cần có cách tiếp cận phù hợp với các công cụ được định giá bằng RMB cho mục tiêu quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và khả năng phòng ngừa các rủi ro.

Tác động đến cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước

Theo IMF⁹ “Dự trữ ngoại hối của một quốc gia là những tài sản ngoại hối mà NHTW quản lý và sử dụng nhằm tài trợ trực tiếp cho thâm hụt cán cân thanh toán hoặc gián tiếp thông qua

⁶ Năm 1976, nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính thức kể tục quy chế hội viên (chính quyền Sài Gòn cũ gia nhập IMF từ 21/9/1956) tại IMF và được quyền hưởng các khoản vay từ IMF.

⁷ Việt Nam tăng vốn cổ phần 150% trong đợt rà soát vốn cổ phần tổng thể lần 14 của IMF năm 2015.

⁸ Nguồn: IMF, Review Metog Valuation of SDR, tháng 8/2015.

⁹ Nguồn: Cẩm nang Cán cân Thanh toán quốc tế của IMF xuất bản lần thứ 5.

can thiệp tỷ giá và tài trợ cho một số nhu cầu khác, dự trữ ngoại hối bao gồm các loại tài sản ngoại hối sau: Ngoại hối (như tiền mặt, tiền gửi,

chứng khoán); vàng tiền tệ; Quyền rút vốn đặc biệt (SDR); Hạn mức dự trữ tại IMF; Các tài sản ngoại hối khác”.

Bảng 2: Cơ cấu ngoại tệ trong dự trữ ngoại hối toàn cầu

Đơn vị: % trong tổng dự trữ toàn cầu

Ngoại tệ	2013			2014		
	Tỷ SDR	%	Số nước báo cáo	Tỷ SDR	%	Số nước báo cáo
Đô la Mỹ (USD)	2.701	61,3	127	2.961	63,7	127
Đồng euro (EUR)	1.041	23,7	109	978	21,0	108
Bảng Anh (GBP)	187	4,2	108	190	4,1	109
Yên Nhật (JPY)	147	3,3	87	160	3,4	88
Đô la Úc (AUD)	98	2,2	79	98	2,1	78
Đô la Canada (CAD)	87	2,0	84	92	2,0	85
Nhân dân tệ (RMB)	29	0,7	27	51	1,1	38
Đô la Newzealand (NZD)	11	0,2	27	11	0,2	69
Frăng Thụy Sĩ (CHF)	10	2,2	73	11	0,2	29
Krone Na Uy (NOK)	9	2,2	45	9	0,2	40
Khác	6,6	1,9		73	1,9	

Nguồn: IMF, Khảo sát các nước thành viên.

Ghi chú: Khảo sát bao gồm 16 đồng tiền.

Việt Nam là thành viên của IMF. Trong cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước của Việt Nam có SDR¹⁰, bởi vậy, khi RMB được đưa vào rổ SDR, một cách gián tiếp, trong cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước của Việt Nam đã có đồng RMB. Ngân hàng Trung ương cần duy trì một mức dự trữ ngoại hối đầy đủ để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế và tạo niềm tin của công chúng với chính sách tỷ giá của NHTW. Tại Việt Nam, trong quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, mục tiêu chính là đảm bảo thực thi chính sách tỷ giá, chính sách tiền tệ quốc gia, và khả năng thanh toán quốc tế, mục tiêu lợi nhuận thường được xếp sau, nhưng vẫn phải bảo đảm

hiệu quả sử dụng vốn ở mức tốt nhất có thể. Chính vì vậy, việc duy trì một cơ cấu dự trữ ngoại hối hợp lý, đặc biệt trong bối cảnh thế giới đầy biến động, kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn là một vấn đề rất quan trọng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Với quy mô dự trữ ngoại hối không lớn (mặc dù đã được cải thiện trong những năm gần đây) trong khi kim ngạch nhập khẩu luôn tăng mạnh (do phục vụ sản xuất trong nước) nên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam luôn ưu tiên nắm giữ các ngoại tệ mạnh để phục vụ cho thanh toán nhập khẩu cũng như các khoản vay nợ nước ngoài đến hạn hơn là nắm giữ vàng. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã xây dựng cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước khá phù hợp với các điều

¹⁰ SDR được phân bổ dựa trên hạn mức (quota) của các nước thành viên.

kiến kinh tế trong nước và thế giới. Theo đó, từ năm 2007, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phân bổ cơ cấu dự trữ theo hướng chuẩn của quốc tế trong đó USD chiếm khoảng 55%, EUR khoảng 30%, còn lại là các ngoại tệ khác như GBP (bảng Anh), JPY (yên Nhật), CHF... Tuy nhiên, trong thời gian gần đây EUR luôn có xu hướng giảm giá do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng nợ công nên tỷ trọng EUR trong cơ cấu dự trữ ngoại hối giảm dần, tỷ trọng USD tăng lên. Cùng với đó, tỷ trọng JPY trong dự trữ ngoại hối của Việt Nam cũng có xu hướng tăng nhẹ do Nhật Bản hiện là một trong những quốc gia tài trợ rất nhiều dự án đầu tư tại Việt Nam.

Đa dạng hóa tiền tệ trong thanh toán và dự trữ quốc tế ở Việt Nam sẽ góp phần giảm thiểu những tổn thất và rủi ro cho các doanh nghiệp nói riêng và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia nói chung. Cùng với các tiền tệ khác như EURO, JPY, GBP... thì RMB đang là một trong những đồng tiền được nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam phải cân nhắc và tính toán đưa vào rổ tiền tệ của mình, đặc biệt khi đồng tiền này sẽ được đưa vào rổ SDR từ ngày 1/10/2016. Với tư cách là đồng tiền trong rổ SDR, RMB có thể chuyển đổi dễ dàng sang USD, EUR, JPY, GBP. Hơn nữa, Trung Quốc lại là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, thì việc cân nhắc đưa RMB vào cơ cấu dự trữ ngoại hối nhà nước của Việt Nam hay không và ở tỷ trọng nào là vấn đề rất đáng quan tâm.

Bảng 2 cho thấy, số nước thành viên IMF nắm giữ RMB tăng mạnh trong năm 2014 (38 nước) so với 27 nước năm 2013, đồng thời tỷ trọng RMB trong tổng dự trữ ngoại hối toàn cầu cũng tăng tương ứng từ mức 0,7% (tương đương 29 tỷ SDR) năm 2013 lên 1,1% (tương đương 51 tỷ SDR) năm 2014.

Tác động đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam

***Tác động tích cực**

Trong thương mại song phương: Một trong những tác động tích cực của việc RMB trở

thành đồng tiền thanh toán quốc tế đó là Việt Nam có thể sử dụng RMB như một ngoại tệ để thanh toán thương mại với Trung Quốc, đa dạng hóa ngoại tệ thanh toán, giảm sự tập trung vào USD, giảm sức ép lên nhu cầu sử dụng USD và giảm chi phí chuyển đổi ngoại tệ.

Trong đầu tư và vay nợ: Có thể nói, tác động tích cực nổi bật nhất của việc quốc tế hóa RMB đối với lĩnh vực đầu tư và vay nợ của Việt Nam đó là sự đa dạng hóa đồng tiền sẽ góp phần làm tăng sự sôi động của thị trường vốn Việt Nam, tăng triển vọng, cũng như khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, cũng như đa dạng hóa khoản vay theo loại tiền tệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và với các nước khác sử dụng RMB. Tuy nhiên, việc đầu tư, vay nợ bằng RMB sẽ phải cân nhắc thận trọng hơn với những rủi ro có thể phát sinh.

***Tác động tiêu cực**

Trong thương mại song phương: nếu Việt Nam không có một chiến lược hiệu quả để điều chỉnh cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu với Trung Quốc thì nguy cơ nới rộng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng. Điều này làm gia tăng sức ép về nhu cầu RMB lên doanh nghiệp Việt Nam để thanh toán cho đối tác Trung Quốc. Cùng với việc RMB được đưa vào rổ SDR của IMF, đồng nghĩa với việc RMB đã trở thành đồng tiền thanh toán quốc tế phổ biến sẽ càng mở rộng phạm vi sử dụng RMB vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam cũng vô hình chung góp phần tăng cường nhập khẩu từ Trung Quốc, dẫn đến ngày càng lệ thuộc vào ngoại thương với nước này.

Trong đầu tư: Trong những năm gần đây, dòng vốn của Trung Quốc ngày càng tăng, mặc dù vẫn chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng vốn FDI vào Việt Nam. Theo thống kê, có tới 90% các công trình điện, khai khoáng, dầu khí, luyện kim, hoá chất của Việt Nam do nhà thầu Trung Quốc đảm nhận. Cùng với việc thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa đồng RMB, đồng RMB trở thành đồng tiền thanh toán và dự trữ quốc tế, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh việc sử dụng RMB trong các dự án nước ngoài. Hiện nay, các dự án

nước ngoài sử dụng RMB của Trung Quốc còn hạn chế. Vì vậy, việc Trung Quốc yêu cầu các doanh nghiệp gia tăng sử dụng RMB trong các dự án tại Việt Nam là tất yếu. Trong lĩnh vực đầu tư, Việt Nam cần thận trọng với nguy cơ trở thành nơi tiêu thụ công nghệ cũ, lạc hậu cho Trung Quốc và là một trong những nguyên nhân làm tăng nhập siêu từ Trung Quốc vào Việt Nam.

Tác động đến hệ thống tiền tệ của Việt Nam

Tác động tích cực: Việc sử dụng RMB trong các quan hệ thanh toán thương mại, vay nợ sẽ góp phần đa dạng hóa các loại ngoại tệ, giảm sức ép về USD đối với cung cầu ngoại tệ, qua đó giảm tỷ lệ đô la hóa của nền kinh tế.

Tác động tiêu cực: Trung Quốc là một quốc gia mạnh cả về vị thế chính trị lẫn tiềm lực kinh tế, đang dần vươn lên trở thành cường quốc kinh tế hàng đầu của thế giới. Việc mở rộng phạm vi sử dụng RMB trong lãnh thổ Việt Nam có thể tạo nên nguy cơ “Nhân dân tệ hóa” của nền kinh tế, khiến nền kinh tế Việt Nam trở nên nhạy cảm và phụ thuộc hơn vào nền kinh tế Trung Quốc.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược tài chính -

tiền tệ tổng thể gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Trong đó, cần có các kịch bản về các tác động trong nước và quốc tế đến nền tiền tệ trong nước theo từng thời kỳ và đề xuất giải pháp ứng phó. Đồng thời, điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, linh hoạt, phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm mục tiêu ưu tiên kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định giá trị VND, nâng cao nhận thức, củng cố và tăng cường niềm tin của dân chúng trong việc sử dụng và lưu thông VND. Vận dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, trong đó đặc biệt chú ý phát huy tác động tích cực của các công cụ lãi suất, tỷ giá nhằm tăng tính linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước nhằm ứng phó với các tình huống phát sinh trên thị trường tài chính. Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về tài chính tiền tệ nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho hoạt động thương mại, đầu tư, vay nợ, thanh toán giữa Việt Nam và các đối tác, trong đó có Trung Quốc, phù hợp với những thay đổi về chính sách thương mại của các bên♦

Tài liệu tham khảo:

1. IMF (2013): Special Drawing Right (SDR) Allocations, ngày 5/8.
2. IMF (2015): Review Metog Valuation of SDR, tháng 8/2015.
3. IMF (2015): Review of the Special Drawing Right (SDR) Currency Basket, ngày 30/11.
4. IMF: Cẩm nang Cân cân Thanh toán quốc tế xuất bản lần thứ 5.